

Số: 73/QĐ-CQLTT

Bình Thuận, ngày 21 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận

#### CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận (Kèm theo Phụ lục giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp; Phòng Thanh tra – Pháp chế và Đội trưởng các Đội QLTT trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT (Báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, TCHC.Thắng



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Sơn

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**



**PHỤ LỤC GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 3109/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường)*

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận

Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Thuận

Mã số kho bạc nhà nước: 1661

Mã số đơn vị QHNS: 1015798

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó	
		Tổng số	Trong đó: TK 10% CC TLương
<b>1</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>		
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		
	Học phí, lệ phí		
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>		
	Học phí, lệ phí		
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó:</b>	<b>12,033</b>	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	10,490	
2	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1,543	
3	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0	
	<b>Chi tiết theo loại chi</b>		
	<b>Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341</b>	<b>12,033</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>10,490</b>	
	Tổng quỹ lương công chức và định mức chi QLHC năm 2022	10,223	
	Lương Lao động hợp đồng	267	
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:</b>	<b>1,543</b>	
	Mua sắm tài sản cố định	0	
	Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	0	
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất	0	
	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính)	1,543	
	Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả		
	Ban chỉ đạo 389 ngành		
	Kinh phí thực hiện chính sách tình giãn biên chế	0	

**Ghi chú:**

Trong phạm vi dự toán được giao, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí đủ kinh phí để thực hiện mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng cho năm 2022.